

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày: 19 – 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và ông Lê Quang Chính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Lưu Thị Kim Thuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 19-01-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Hải Thị A - Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1981, tại: Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bà Ni; Quốc tịch: Việt Nam; cha: Hải H, sinh năm: 1956; Mẹ: Châu Thị H, sinh năm: 1957; chưa có chồng, có hai người con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: bà Thị T – Sinh năm: 1930; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: bà Từ Thị Thúy V – Sinh năm: 1976; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

+ Ông: Từ Công D – Sinh năm: 1960 – Có mặt tại phiên tòa;

+ Ông: Kiều Thanh N – Sinh năm: 1968 – Vắng mặt tại phiên tòa;

+ Bà: Bá Thị Bạch V – Sinh năm: 1986 – Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: T – P – N – Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hải Thị A được thuê phụ giúp dọn dẹp nhà cửa cho bà Thị T, sinh năm: 1930 ở thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Trong lúc dọn dẹp giường ngủ của bà T, Hải Thị A phát hiện bên dưới nệm có số tiền 40.000.000 đồng nên nảy

sinh ý định trộm cắp số tiền này lấy tiền tiêu dùng. Sợ bị bà T phát hiện nên A lên kế hoạch lấy số tiền làm nhiều lần, mỗi lần lấy từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2020, bằng thủ đoạn trên A đã chiếm đoạt hết số tiền 40.000.000 đồng của bà T. Số tiền chiếm đoạt được, A dùng trả nợ cho ông Kiều Thanh N số tiền 3.500.000 đồng, trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua bà Bá Thị Bạch V số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại A dùng chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra, Hải Thị A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra, truy tố đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại.

Cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 04-01-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Hải Thị A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục toàn bộ thiệt hại và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hải Thị A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Hải Thị A từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận; nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

* Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại tranh luận xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại bà Thị T, sinh năm 1930 (92 tuổi) là đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Từ Thị Thúy V (con ruột bà Thị T) không yêu cầu Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tại phiên tòa. Do đó, quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thị T không bị ảnh hưởng.

[3]. Xác định tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp chứng cứ khách quan được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng nên có đủ cơ sở để xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 9/2020, bị cáo làm người giúp việc cho bà Thị T, trong lúc dọn dẹp nhà cửa thì phát hiện bên dưới nệm nơi bà T nằm ngủ có 40.000.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để không bị phát hiện, bị cáo lén lút lấy số tiền trên làm nhiều lần, mỗi lần lấy từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Bằng thủ đoạn này, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2020 bị cáo đã chiếm đoạt hết số tiền 40.000.000 đồng của bà Thị T.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hải Thị A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ.

[4]. Xác định nguyên nhân, lỗi, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ nhu cầu muốn có tiền tiêu dùng cá nhân và trả nợ; hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện nhiều lần chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên mỗi lần chiếm đoạt số tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng là dưới mức 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên đối với bị cáo là có căn cứ.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại số tiền 40.000.000 đồng cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra còn xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7]. Quyết định hình phạt chính đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo chiếm đoạt tài sản của người già, số tiền chiếm đoạt lớn nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không có chồng, nhưng có hai con còn nhỏ, một mình bị cáo phải lao động nuôi dưỡng hai người con; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm. Từ những căn cứ trên xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đi làm thuê có mức thu nhập thấp, một mình phải lao động nuôi dưỡng hai con nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11]. Quá trình điều tra xác định bị cáo có dùng số tiền 3.500.000 đồng trả nợ cho ông Kiều Thanh Niên và số tiền 3.000.000 đồng trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Tuy nhiên, những người này không biết số tiền trên do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có. Mặt khác, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với số tiền này là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hải Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hải Thị A: 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19 tháng 01 năm 2022).

Giao bị cáo Hải Thị A cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Hải Thị A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19-01-2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

